

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú về việc thành lập tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường của Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất Đại Phát;

Xét đề nghị cấp giấy phép môi trường của ông Nguyễn Thành Trí tại Công văn số 01/CV-ĐP ngày 07 tháng 9 năm 2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất Đại Phát;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 160/PTNMT-MT ngày 28 tháng 9 năm 2023 về việc cấp giấy phép môi trường của Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất Đại Phát.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất Đại Phát, địa chỉ tại ấp Quốc Hưng, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất Đại Phát.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Quốc Hưng, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 52C8011813 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 3 năm 2023 do phòng Tài chính - Kế hoạch huyện An Phú cấp.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thu mua và sơ chế xoài.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Cơ sở tổng diện tích 2.927,9 m², tứ cận như sau:

+ Phía Đông Bắc: Giáp với nhà dân và sông Hậu;

+ Phía Tây Bắc: Giáp với nhà dân;

+ Phía Đông Nam: Giáp với nhà dân và đất trồng;

+ Phía Tây Nam: Giáp nhà dân và Quốc lộ 91C.

- Quy mô của dự án đầu tư: Dự án nhóm C với tổng vốn đầu tư của dự án là 1.000.000.000 (*Bằng chữ: Một tỷ đồng*), thuộc dự án nhóm C – Cơ sở công nghiệp với tổng vốn đầu tư dưới 60 tỷ đồng thuộc quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

- Công suất: 3,5 tấn sản phẩm/ngày (5,0 tấn nguyên liệu).

- Tổng diện tích sử dụng đất nhà xưởng là 2.927,9 m², phân chia thành các khu chức năng như sau:

T T	Hạng mục công trình	Kích thước	Diện tích (m²)	Kết cấu
I	Hạng mục công trình chính		1.739,45	
1	Kho ủ chín	-	324	Nền BTCT, trần và vách làm bằng khung sắt chịu lực ốp tole
-	Khu ủ chín 6 và 7	5m x 7,4m	74	-
-	Khu ủ chín từ 1 - 5	5m x 10m	250	-
2	Văn phòng	7,5m x 4,5m	33,75	Nền BTCT, tường gạch, mái tole, trần la phong.
3	Kho thành phẩm + đông lạnh	7,0m x 4,0m	28	Nền BTCT, tường gạch + tole, mái tole, trần la phong.
4	Kho đường	12,5m x 2,6m	32,5	Nền BTCT, tường gạch + tole, mái tole, trần la phong.
5	Khu vực xuất hàng	5m x 9m	45	Nền BTCT, tường gạch + tole, mái tole, trần la phong.
6	Khu vực tách vỏ, tách hạt	26m x 18,5m	481	Nền BTCT, tường gạch + tole, mái tole, trần la phong.

7	Khu vực ướp đường	-	241	Nền BTCT, tường gạch + tole, mái tole, trần la phong.
8	Kho palet và rỗ	14m x 10m	140	Nền BTCT, tường gạch + tole, mái tole, trần la phong.
9	Lối đi chung	-	90,2	Nền BTCT, Max200
II	Hạng mục công trình BVMT		109,65	-
10	Khu xử lý nước thải	5,4m x 2,0m	10,8	Bê tông cốt thép, Max200
11	Khu vực lưu chứa rác thải sản xuất và sinh hoạt	12m x 5,3m	63,6	Bê tông cốt thép, mái lợp tole (nằm trong nhà xưởng)
12	Nhà vệ sinh	1,5m x 2,5m	3,75	Bê tông cốt thép, tường xây bằng, mái tole (nằm trong nhà xưởng)
13	Kho chất thải nguy hại	1,0m x 1,5m	1,5	Bê tông cốt thép, tường gạch, mái tole, vách tole (nằm trong nhà xưởng)
14	Ao chứa nước thải	4,0m x 7,5m	30	Nền đất đầm chặt, bờ đất, đáy lót bạt.
III	Hạng mục công trình phụ trợ		1.078,8	-
15	Đường đi nội bộ + Cây xanh		942,7	Bê tông cốt thép, Max 200
16	Nhà khách	6,0m x 4,0m	24	Nền lót gạch ceramic, tường xây gạch, mái tole và trần la phong.
17	Hành lang ATGT		112,1	-
TỔNG			2.927,9	-

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn của tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ kinh doanh cỡ nhỏ sản xuất Đại Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương, nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 28 tháng 9 năm 2023 đến ngày 28 tháng 9 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Ông Nguyễn Thành Trí;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Công TT điện tử huyện An Phú;
- Phòng TN và MT;
- UBND xã Quốc Thái;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 206/GPMT-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng phát sinh: 1,36 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất: Lưu lượng phát sinh: 3,5 m³/ngày đêm.

2. Dòng xả nước thải: 01 dòng nước thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Hậu

2.2. Vị trí xả nước thải: Ấp Quốc Hưng, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ VN 2000): X=0536369; Y =1203791.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20 m³/ngày đêm tương đương 0,83 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy sau khi xử lý.

2.3.2. Chế độ xả thải: Gián đoạn tại các thời điểm trong ngày.

2.3.2. Chất lượng nước thải: Nước thải trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận đảm bảo đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, Giá trị tối đa của các thông số trong nước thải khi xả thải ra môi trường theo QCVN 40:2011/BTNMT cột A. Cụ thể các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn như bảng dưới đây:

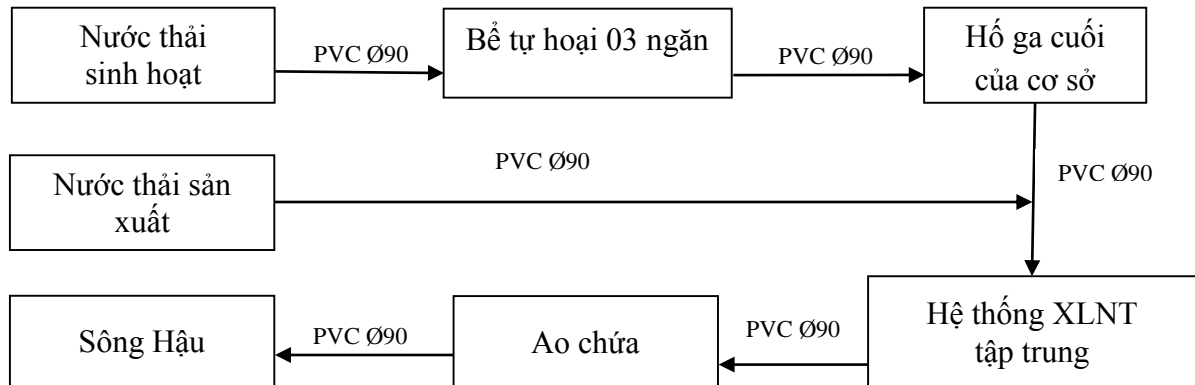
Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, (cột A)
1	pH	-	6 đến 9
2	Chất rắn lơ lửng	mg/L	50
3	BOD ₅ (20 ^o C)	mg/L	30
4	COD	mg/L	75
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	5
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	4
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	5
8	Coliform	MPN/100mL	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:



- Hệ thống thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Được thu gom bằng cống nhựa PVC Ø90 tại khu nhà vệ sinh có hầm tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ. Sau đó, thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

+ Nước thải sản xuất: Được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở (công suất 20 m³/ngày đêm) bằng mương hở. Xử lý đạt quy chuẩn và thải ra ao chứa (tái sử dụng) bằng đường ống PVC Ø90 và thoát ra sông Hậu bằng đường ống PVC Ø90.

- Thông số kỹ thuật công trình thu gom nước thải:

+ Ống nhựa thoát nước thải ra ao chứa: Ống PVC Ø90, chiều dài 1,5m.

+ Ống nhựa thoát nước ra sông Hậu: Ống PVC Ø90, chiều dài 15m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý tại chỗ

+ Nước thải sinh hoạt, tại khu vực nhà vệ sinh được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý bằng đường ống PVC Ø90 có chiều dài 1,5m. Nước thải khi được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn sẽ đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT, sau đó được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý bằng ống PVC Ø90 có chiều 11m hệ thống xử lý nước thải tập trung.

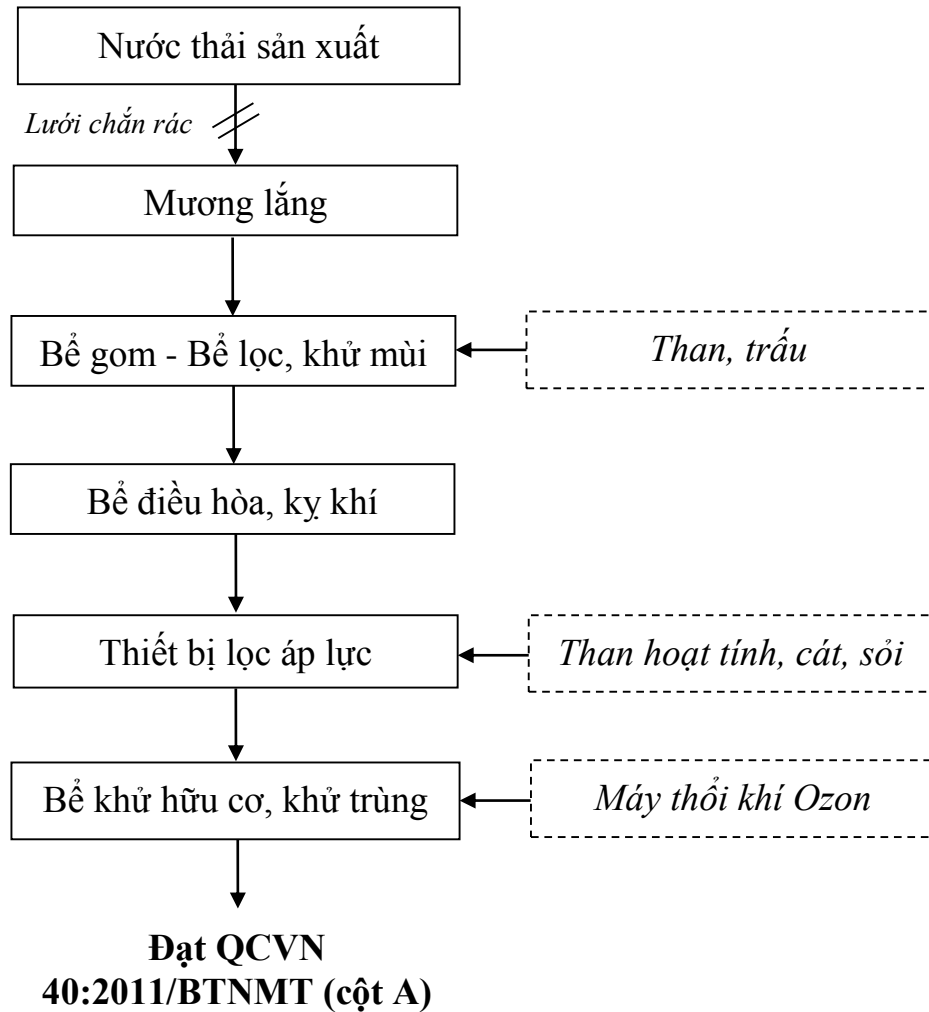
+ Kết cấu: Bê tông cốt thép Mac200, tường gạch.

- Công trình xử lý nước thải tập trung

+ Sơ đồ quy trình công nghệ

Tổng lượng nước thải phát sinh tại cơ sở là 4,86 m³/ngày đêm. Trong đó: Nước thải sinh hoạt phát sinh 1,36 m³/ngày đêm; nước thải sản xuất phát sinh 3,5 m³/ngày đêm, được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 20 m³/ngày đêm.

Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải:



+ *Thuyết minh quy trình*: Nước thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất được thu gom theo hệ thống mương dẫn qua các song chắn rác để loại bỏ các thành phần rác thải có kích thước lớn. Quá trình này khá quan trọng, ảnh hưởng nhiều đến khả năng làm việc ổn định của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải khi vận hành. Sau đó, nước thải sẽ chảy vào mương dẫn có các hố lắng chặn trước khi các công trình xử lý: vào bể lọc than hoạt tính để khử mùi, sau đó nước cho qua bể điều hòa để xử lý bước tiếp theo. Bể điều hòa có tác dụng ổn định lưu lượng và nồng độ và nước thải. Tại bể điều hòa có lắp đặt bơm (tự động) nước thải qua thiết bị lọc và khử chất hữu cơ, quá trình này sẽ loại bỏ toàn bộ các cặn (TSS) và khử một phần hữu cơ có trong nước thải. Nước thải sau bơm qua thiết bị lọc áp lực được chuyển qua bể khử hữu cơ và khử trùng (vi khuẩn) bằng thiết bị máy tạo Ozon, quá trình này giúp khử chất hữu cơ còn lại, phá vỡ màng tế bào và tiêu diệt các loài vi khuẩn có mặt trong nước.

Thông số kỹ thuật của HTXL nước thải

Stt	Tên công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Thể tích (m ³)
		dài	rộng	cao		
1	Mương lắng	2	1	1,2	2	2,4
2	Bể gom + Lọc, khử mùi	1,5	1	1,2	1,5	1,8
3	Bể điều hòa	2,8	2	2,2	5,6	12,3
4	Thiết bị lọc	Đường kính 0,6 m		1,8	0,36	Công suất 3 m ³ /giờ
5	Bể khử hữu cơ, khử trùng	2	2	2,2	4	8,8
6	Máy ozon	-	-	-	-	Công suất 3 m ³ /giờ

- Hóa chất sử dụng và điện năng tiêu thụ:

+ Điện năng tiêu thụ: Điện năng tiêu thụ khoảng 150 kWh/tháng.

+ Hóa chất sử dụng: Clorin 3 kg/tháng.

- Quy chuẩn áp dụng: Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam hiện hành, QCVN 40:2011/BTNMT, cột A

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Không.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Do hoạt động của cơ sở không xả thải ra môi trường nên không tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động của cơ sở đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra môi trường./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 206/GPMT-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Mùi hôi phát sinh từ khu vực tập kết chất thải rắn, khu vực ủ đường và khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải: Ấp Quốc Hưng, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Tọa độ (theo hệ VN 2000): X=0536311; Y=1203771.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Mùi hôi phát thải trong khu vực sản xuất phát sinh vào môi trường không khí (không xác định được lưu lượng thải).

2.2.1. Phương thức xả nước thải: Liên tục 12 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với mùi hôi theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí như sau:

Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	NH ₃	µg/m ³	200
2	H ₂ S	µg/m ³	42

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải (mùi hôi)

- Bê tông hóa hoàn toàn đường nội bộ trong khu vực dự án và có kế hoạch bảo trì hàng năm.

- Thực hiện phun nước rửa đường để giảm thiểu ô nhiễm bụi.

- Vệ sinh thường xuyên khuôn viên khu vực sản xuất.

- Rác thải sinh hoạt được thu gom vận chuyển xử lý trong ngày.

- Khu vực chứa rác tạm được vệ sinh sạch sẽ sau khi chuyển rác cho đơn vị thu gom rác.

- Rác thải sinh hoạt, rác thải sản xuất được thu gom vận chuyển xử lý trong ngày.

Trang bị bảo hộ cho nhân viên làm việc: găng tay, khẩu trang,... Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của nhân viên.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Do hoạt động của cơ sở không có nguồn thải tập trung ra môi trường nên không tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý khí thải (mùi hôi) từ hoạt động của cơ sở đảm bảo toàn bộ khí thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 206/GPMT-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Phương tiện giao thông ra vào dự án.
2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực lên xuống thu mua nguyên liệu và xuất bán sản phẩm. Tọa độ (theo hệ VN 2000): X=0536314; Y=1203738.
3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung như sau:

Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung đề nghị cấp phép

Stt	Thông số	Đơn vị	Giới hạn xin cấp phép		
1	Tiếng ồn	dBA	Khu vực thông thường	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Độ rung	dB	Khu vực thông thường	Từ 6 giờ đến 21 giờ	75

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển hàng hóa vào giờ cao điểm, các xe vận chuyển không được chạy quá tốc độ cho phép. Ngoài ra các máy móc có tiếng ồn lớn sẽ không vận hành trong thời gian nghỉ ngơi của người dân.
- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, phương tiện, đồng thời không sử dụng các loại xe, máy móc không đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường.
- Đối với các thiết bị gây ồn sẽ được bố trí cách xa khu làm việc và nhà dân xung quanh.
- Yêu cầu công nhân làm việc tại dự án khi ra vào dự án phải giảm tốc độ cho phương tiện giao thông khi ra vào dự án. Hạn chế sử dụng còi xe và quy định tốc độ xe lưu thông trong khu vực (≤ 20 km).
- Nghiêm cấm mọi người tụ họp, gây tranh cãi ồn ào ảnh hưởng đến an ninh của khu vực.
- Thực hiện thời gian hoạt động hợp lý: Sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ trưa, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Không hoạt động vào các giờ cao điểm từ 11 giờ đến 13 giờ và 18 giờ chiều đến 6h sáng hôm sau.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này. Đảm bảo tiếng ồn, độ rung phát sinh luôn đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 206/GPMT-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khối lượng phát sinh khoảng 7,65 kg/ngày. Bao gồm: Giấy vụn, bao nilon, thức ăn dư thừa,..

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phát sinh thường xuyên:

- Vỏ xoài, hạt xoài thải, thùng catton, bao bì: Khối lượng phát sinh khoảng 1.505 kg/ngày.

- Bùn thải: Khối lượng phát sinh khoảng 35 kg/tháng.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Khối lượng phát sinh khoảng 45,6 kg/tháng. Thành phần: Giẻ lau dính dầu mỡ, Bao bì cứng thải chứa hoặc nhiễm thành phần nguy hại; chất hấp thụ, vật liệu lọc thải (than hoạt tính đã qua sử dụng).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng chứa rác, số lượng 4 thùng nhựa, loại 20 lít.

2.1.2. Khu vực lưu chứa: Cuối ngày vận chuyển ra lề đường cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng nhựa loại 240 lít: 10 thùng, dùng chứa hạt xoài, vỏ xoài thải.

- Thùng nhựa 120 lít: 02 thùng, dùng chứa bao bì thải.

- Cần xé: 08 cái, loại 30 kg, dùng chứa vỏ xoài, hạt xoài.

- Bùn thải: Thu gom vào bao chứa và bón cây xanh xung quanh cơ sở.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Trang bị 08 thùng nhựa 240 lít bố trí phía trước cơ sở (khu vực tập kết rác thải) và 02 thùng 240 lít bố trí bên trong cơ sở.

- Trang bị 02 thùng nhựa 120 lít bố trí trong kho chứa thu gom bao bì catton.

- Trang bị cần xé tại khu vực gọt vỏ và tách hạt.

2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị 03 thùng nhựa loại 20 - 50 lít, có dán nhãn CTNH để lưu giữ chất thải.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Xây dựng khu chứa có diện tích: 1,5 m², có dán biển cảnh báo, gờ chắn chống tràn, chống thấm, đảm bảo không bị mưa tạt, gió lùa. Kết cấu kho lưu chứa nền bê tông, vách tole, mái tole.

4. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện đúng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở, đảm bảo tuân thủ đúng quy định kỹ thuật về an toàn và môi trường.

Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

Bổ trí đội cứu hộ ứng trực thường xuyên và nhắc nhở, giám sát công nhân phòng ngừa tai nạn có thể xảy ra./.